

Số: 0750/TH-TCHC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2024

Về việc ủy quyền Giám đốc Công ty ký kết Bản thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch và Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (tổ chức có 04 đại diện vốn góp tham gia vào Hội đồng quản trị công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

- Trụ sở chính: 215 Trần Thủ Độ, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM
- Địa chỉ liên hệ: 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, TP.HCM
- Điện thoại: (028) 3855 7977 Fax: (028) 3955 7977

2. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Mươi - Giám đốc.**

- Địa chỉ: Chung cư ICON 56 Bến Vân Đồn, Phường 13, Quận 4, TP.HCM.

3. Loại thông tin công bố:

- 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

4. Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện điểm j khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (Công ty) công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc ủy quyền Giám đốc Công ty ký kết Bản thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch và Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (tổ chức có 04 đại diện vốn góp tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa). Địa chỉ đăng tải: thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 22/01/2024 tại đường dẫn: www.capnuoctanhhoa.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Đính kèm:

- Nghị quyết số 005/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023;
- Nghị quyết số 103/NQ-TH-HĐQT ngày 22/01/2024.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
M.S.D.N.031035006
TÂN HÒA
TÂN PHÚ - TP.HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Mươi

Số : **005** /NQ-TH-ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;
- Căn cứ kết quả biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, được tổ chức vào ngày 27/04/2023 tại Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa,

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 (tài liệu đính kèm).
2. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng năm 2023 (tài liệu đính kèm).
3. Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 (tài liệu đính kèm).
4. Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán (tài liệu đính kèm).
5. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2023	GHI CHÚ
A	SẢN XUẤT- KINH DOANH			
1	Nước tiêu thụ	1.000 m ³	51.400	
2	Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	595.006	
3	Giá bán bình quân	Đồng/m ³	11.576	
4	Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	600	
5	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	30.133	
6	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	53	
7	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	
8	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	15,1	

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2023	GHI CHÚ
B	TÀI CHÍNH			
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	162.178	
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.179	
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.868	
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	15,24	
5	Tỷ lệ chi cổ tức	%	6,0	

➤ Giao cho Hội đồng quản trị điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2023 tùy thuộc tình hình thực tế của đơn vị (nếu có).

6. Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích / LNPP (%)	Số tiền (đồng)
1	Chia cổ tức (6,0% /mệnh giá cổ phiếu)	41,43	2.998.800.000
2	Trích lập các quỹ		
-	Đầu tư phát triển	4,17	301.825.488
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	49,33	3.570.174.173
-	Quỹ thưởng Ban điều hành và HĐQT	5,07	367.221.600

➤ Giao Ban Điều hành thực hiện việc chi trả cổ tức theo quy định.

7. Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Chuẩn Việt với mức phí kiểm toán là 65.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

➤ Giao Giám đốc công ty ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn, để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

8. Thống nhất phê duyệt:

– Ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 với tổng số tiền (chưa bao gồm thuế GTGT) là 89.287.208 đồng.

– Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 với số tiền (chưa bao gồm thuế GTGT) là 106.890.300 đồng.

➤ Giao cho Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty cân đối thực hiện theo mức chi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

9. Thông qua báo cáo thù lao Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2022, kế hoạch thù lao năm 2023; Báo cáo tiền lương người quản lý năm 2022, kế hoạch quỹ lương người quản lý năm 2023.

- Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HDQT và BKS trong năm 2022:

+ Thành viên HDQT : 5.500.000 đồng/người/tháng

+ Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng

Các thành viên hưởng thù lao theo thời gian đương nhiệm. Tổng cộng thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2022 : **264.000.000 đồng** và Tổng cộng thù lao chi trả cho Ban kiểm soát trong năm 2022 : **96.000.000 đồng**.

- Kế hoạch chi trả thù lao đối với HDQT, BKS Công ty trong năm 2023:

+ Thành viên HDQT : 5.500.000 đồng/người/tháng

+ Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 đối với Chủ tịch HDQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS chuyên trách Công ty : **2.937.772.800 đồng**. Các thành viên hưởng tiền lương chức danh công việc theo thời gian đương nhiệm.

Trong đó :

+ Mức lương Chủ tịch HDQT : 52.560.000 đồng / tháng.

+ Mức lương Giám đốc : 50.180.000 đồng / tháng.

+ Mức lương Phó Giám đốc Kinh doanh : 40.390.000 đồng / tháng.

+ Mức lương Phó Giám đốc Kỹ thuật : 38.540.000 đồng / tháng.

+ Mức lương Trưởng BKS : 40.010.000 đồng / tháng.

+ Mức lương Kế toán trưởng : 36.060.000 đồng/ tháng.

- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 đối với Chủ tịch HDQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS chuyên trách Công ty : **2.592.000.000 đồng**.

➤ Tiền lương đối với Chủ tịch HDQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS chuyên trách Công ty sẽ được chi theo quy chế trả lương, trả thưởng đối với Người quản lý Công ty.

10. Thông qua việc ký các Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

10.1 Ủy quyền cho Giám đốc Công ty - Người đại diện theo pháp luật - được thương thảo và ký kết các hợp đồng, giao dịch có **giá trị từ 35% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất** với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (là tổ chức có 04 đại diện vốn góp tham gia Hội đồng quản trị). Các hợp đồng này phải trình Hội đồng quản trị quyết định thông qua và thực hiện báo cáo Hội đồng quản trị theo định kỳ hàng quý, bao

gồm các nội dung: Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch; Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch; ...

10.2 Trường hợp khi có thay đổi các điều khoản làm ảnh hưởng đến giá trị hợp đồng (nếu có), Giám đốc có trách nhiệm trình Hội đồng quản trị xem xét, thông qua trước khi ký kết hợp đồng, giao dịch.

10.3 Thời hạn ủy quyền: từ ngày ban hành Nghị quyết cho đến kỳ tổ chức Đại hội cổ đông thường niên tiếp theo.

Điều 2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/04/2023./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cổ đông;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Hội đồng thành viên Tổng Công ty;
- Tổng giám đốc Tổng Công ty;
- Lưu.VT_HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐOÀN**



Trần Thị Ngọc Luyến



Số: 103/NQ-TH-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc ủy quyền Giám đốc Công ty ký kết Bản thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch và Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 009/QĐ-TH-HĐQT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 010/QĐ-TH-HĐQT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 11/QĐ-TH-HĐQT ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Nghị quyết 005/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Xét Tờ trình số 0609/TTr-TH-KTTC ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Giám đốc Công ty về việc xin ý kiến phê chuẩn ủy quyền Giám đốc Công ty ký kết bản thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch và Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết của Hội đồng quản trị ngày 22/01/2024 về việc kiểm phiếu lấy ý kiến biểu quyết số 93/PYK-TH-HĐQT ngày 16/01/2024 của Hội đồng quản trị,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký kết và thực hiện Bản thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch và Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024 (theo Tờ trình số 0609/TTr-TH-KTTC ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Giám đốc Công ty về việc xin ý kiến phê chuẩn ủy quyền Giám đốc Công ty ký kết bản thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch và Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024).



Điều 2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai Bản thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch và Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024 đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết này đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Trường hợp khi có thay đổi các điều khoản làm ảnh hưởng đến giá trị hợp đồng (nếu có), Giám đốc có trách nhiệm trình Hội đồng quản trị xem xét, thông qua trước khi ký kết hợp đồng, giao dịch.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các Phòng - Đội liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo đúng quy định. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu (VT, HĐQT).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thị Ngọc Luyên

Số: **0609**/TTr-TH-KTTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc xin ý kiến phê chuẩn ủy quyền Giám đốc Công ty ký kết
bản thỏa thuận về hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch
và hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024**

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa

Căn cứ khoản 10 điều 1 Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa số 005/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023.

Để chuẩn bị ký kết bản thỏa thuận về hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch và hợp đồng dịch vụ phân phối dịch vụ nước sạch năm 2024 với Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa kính trình Hội đồng quản trị như sau:

- Hệ số hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024 là: 0,1914

Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa kính trình Hội đồng quản trị phê chuẩn ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký kết bản thỏa thuận về hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch và hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024.

Khi có sự thay đổi về hệ số hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024, Giám đốc sẽ trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Nguyễn Mươi

✚ **Hồ sơ đính kèm tờ trình:**

- + Bản thỏa thuận về hợp đồng dịch vụ nước sạch năm 2024;
- + Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch.

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11, ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, ngày 27/09/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 20/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch số: 29/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN.

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM.

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220431101100091 tại NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 26/04/2023, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.
Theo giấy Ủy quyền: Số 8717/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 22/11/2023 của Tổng Giám đốc Trần Quang Minh.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM.

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977

Tài khoản số : 6220 431101100 192 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068, thay đổi lần thứ 10, ngày 01/06/2022, nơi cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **NGUYỄN MƯỜI** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Cùng thỏa thuận về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024 giữa hai bên như sau:

Điều 1. Nội dung thỏa thuận.

1.1. Về nội dung Hợp đồng:

Hai bên thống nhất Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024 bao gồm các điều khoản sau:

- Đối tượng và phạm vi của Hợp đồng.
- Khối lượng công việc.
- Chất lượng công việc.
- Giá trị Hợp đồng.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước.
- Quyền và nghĩa vụ của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện Hợp đồng
- Điều khoản chung.
- Lịch đọc số năm 2024 tại Phụ lục 1.

1.2. Về hệ số Hợp đồng:

Hai bên thống nhất hệ số Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024 là: **0,1914**.

1.3. Về thời gian thực hiện Hợp đồng:

Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch có thời hạn kể từ ngày **01** tháng **01** năm **2024** đến hết ngày **31** tháng **12** năm **2024**.

Điều 2. Thực hiện thỏa thuận:

Hai bên thống nhất lập Hợp đồng mới với các nội dung đã trình bày ở trên.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, nếu có những phát sinh ngoài dự kiến hai bên sẽ cùng thương thảo để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÂN PHỐI NƯỚC SẠCH.

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11, ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, ngày 27/09/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 20/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch số: 29/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày tháng năm 2024 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM.

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220431101100091 tại NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 26/04/2023, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.
Theo giấy Ủy quyền: Số 8717/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 22/11/2023 của Tổng Giám đốc Trần Quang Minh.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM.

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977

Tài khoản số : 6220 431101100 192 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068, thay đổi lần thứ 10, ngày 01/06/2022, nơi cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **NGUYỄN MƯỜI** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Thông nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng và phạm vi của hợp đồng.

1.1. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc:

- 1.1.1. Thực hiện việc giao dịch với khách hàng về dịch vụ kinh doanh nước sạch, bao gồm: Đại diện Bên A ký kết và thực hiện Hợp đồng dịch vụ cấp nước (bao gồm Hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử) với khách hàng; cung cấp nước; đọc số; thu tiền.
- 1.1.2. Quản lý mạng cấp 3, ống nhánh và đồng hồ nước: quản lý hồ sơ, cập nhật hoá đồ; hoàn chỉnh mạng lưới, bảo trì, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước (bao gồm đường ống và các công trình, thiết bị trên mạng); cắt nước, mở nước,....
- 1.1.3. Giải quyết các vướng mắc, tranh chấp, khiếu nại phát sinh trong quá trình thực hiện các công việc nêu trên theo đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước về cung cấp và sử dụng nước.

1.2. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc được nêu tại khoản 1.1 trong phạm vi địa bàn Quận Tân Bình, Quận Tân Phú (ngoại trừ phường Phú Trung) và một phần phường 9, 10 Quận Phú Nhuận.

Điều 2: Khối lượng công việc.

- 2.1. Khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê được xác định căn cứ vào doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 (Chuẩn thu 2: Là chuẩn thu được điều chỉnh hàng tháng) từ khách hàng trong phạm vi địa bàn nêu tại khoản 1.2 điều 1.
- 2.2. Doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 của khách hàng được xác định qua công tác thu tiền nước hằng tháng và/hoặc việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước được thực hiện đến trước thời điểm 31/12/2024. Số tiền nước thu được trong 01 kỳ là tổng số tiền tương ứng với lượng nước do khách hàng tiêu thụ trong phạm vi địa bàn

nêu tại khoản 1.2 điều 1, được ghi nhận qua công tác ghi đọc chỉ số đồng hồ nước do Bên B thực hiện theo lịch đọc số được Bên B xây dựng. Lịch đọc số này được xem là phụ lục (Phụ lục 1) kèm theo hợp đồng này.

- 2.3. Định kỳ vào ngày cuối của tháng, hai bên sẽ cùng thống nhất doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 của năm 2024 và tiền nước thu được của năm 2023; 2022; 2021; 2020; 2019 (tồn thu) (Có giá trị trước thuế và không bao gồm tiền thu hộ tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải), để tính toán doanh thu tiền nước thu được từ khách hàng sử dụng nước trong kỳ làm cơ sở để Bên A thực hiện việc thanh toán được qui định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 2.4. Trong trường hợp Bên A có thực hiện chương trình miễn, giảm tiền nước cho khách hàng thì khối lượng công việc được xác định căn cứ vào doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 trước chương trình miễn giảm tiền nước.

Điều 3: Chất lượng công việc.

3.1 Chất lượng nước sạch cung cấp:

- 3.1.1. Chất lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế.
- 3.1.2. Bên A có trách nhiệm theo dõi, kiểm nghiệm chất lượng nước và định kỳ hàng tháng thông báo cho Bên B các kết quả kiểm nghiệm. Trong trường hợp chất lượng nước có biến động bất thường, Bên A có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên B.
- 3.1.3. Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của hợp đồng này từ nhà máy của Bên A và/hoặc nhà máy, giếng của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua si nước sạch đến vị trí đồng hồ nước tại nhà khách hàng trong điều kiện không có sự tác động của Bên B vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước tại nhà khách hàng.
- 3.1.4. Bên B có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, thông báo diễn tiến chất lượng nước sạch cung cấp, lập kế hoạch và thực hiện súc xả định kỳ, đột xuất, giải quyết các khiếu nại, phát sinh của khách hàng và địa phương liên quan đến chất lượng nước trong phạm vi khả năng giải quyết của Bên B. Mỗi khi Bên B có tác động vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước khách hàng, Bên B phải đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của hợp đồng này.

3.2 Kết quả công việc thuê và nhận thuê:

- 3.2.1. Công việc thuê và nhận thuê được hai bên xây dựng qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của Bên B được hai bên thống nhất.
- 3.2.2. Kết quả thực hiện công việc của Bên B không được thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả trung bình thực hiện năm trước đó trên địa bàn.
- 3.2.3. Nếu kết quả thực hiện công việc của Bên B thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và thấp hơn kết quả trung bình thực hiện năm trước đó thì hai bên sẽ thảo luận thống nhất điều chỉnh hệ số hợp đồng trong Điều 4 của hợp đồng này.

3.2.4 Kết quả lũy kế tỷ lệ % thực thu tiền nước/chuẩn thu 02 trong năm của Bên B phải đạt trên 99%.

Điều 4: Giá trị hợp đồng.

4.1. Giá trị Bên A thanh toán cho Bên B hàng tháng sẽ được tính:

$$GTTT = (HS_{2024} \times DT_{2024}) + (HS_{2023} \times DT_{2023}) + (HS_{2022} \times DT_{2022}) + (HS_{2021} \times DT_{2021}) + (HS_{2020} \times DT_{2020}) + (HS_{2019} \times DT_{2019})$$

(Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng với thuế suất theo qui định hiện hành)

Trong đó:

- GTTT: Là giá trị thanh toán
- HS₂₀₂₄: Hệ số dịch vụ năm 2024: 0,1914.
- HS_{2023;2022;2021;2020;2019}: Hệ số dịch vụ năm 2023;2022;2021;2020 và 2019: 0,1822
- DT₂₀₂₄: Là doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 của năm 2024, được nêu tại khoản 2.3 điều 2.
- DT_{2023; DT2022; DT2021; DT2020; DT2019}: Là doanh thu tiền nước thu được từ tiền nước (tồn thu) của năm 2023; 2022; 2021; 2020 và 2019 được nêu tại khoản 2.3 điều 2.
- Doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2: Là thực thu trong tháng và doanh thu tiền nước từ việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước,... được thực hiện đến trước thời điểm 31/12/2024.

Vào cuối năm, 02 Bên cùng xác định lại doanh thu tiền nước và/hoặc các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước Bên B thu được (Thực thu), tính đến thời điểm 31/12/2024, để tính toán lại giá trị Hợp đồng cho phù hợp. Việc tính toán sẽ được lập thành biên bản.

4.2. Trường hợp trong tháng Bên B thu tiền nước không đạt tỷ lệ 80% của chuẩn thu 2 được nêu tại điều 5 của hợp đồng thì hai bên sẽ cùng xem xét.

- Bên B trình bày lý do thu tiền nước không đạt tỷ lệ trên (do khách quan).

+ Nếu được Bên A chấp nhận, thì tiền dịch vụ của tháng thu tiền nước không đạt 80% của chuẩn thu 2 được tính như sau:

Giá trị thanh toán = hệ số dịch vụ x doanh thu tiền nước thu được thực tế của chuẩn thu 02.

+ Nếu Bên A không chấp nhận, thì tiền dịch vụ của tháng thu không đạt 80% của chuẩn thu 2 được tính theo điều 5 của hợp đồng.

Việc trình bày của Bên B và/chấp nhận hoặc không chấp nhận của Bên A/phải được thể hiện bằng văn bản.

Điều 5: Thanh toán.

5.1. Bên A thanh toán tiền Hợp đồng dịch vụ mỗi tháng **02 đợt** cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản.

- Đợt 1: Tạm ứng 50% (năm mươi phần trăm) giá trị Hợp đồng của tháng trước liền kề vào ngày 15 hàng tháng. Nếu ngày 15 hàng tháng rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì sẽ thanh toán trước/hoặc sau ngày 15 (hồ sơ tạm ứng phải được hoàn tất trước đợt tạm ứng tối đa 10 ngày làm việc).
- Đợt 2: Phần còn lại sẽ thanh toán sau khi Bên B đã thu được tiền nước trong tháng đạt 80% của chuẩn thu 02. Thời điểm thanh toán vào ngày 10 của tháng sau và thời hạn thanh toán không quá 10 ngày làm việc.

5.2. Hàng tháng, Bên B gửi cho Bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản thống nhất khối lượng công việc (Phụ lục 2).
- Thông báo số tiền thanh toán (Phụ lục 3).
- Hoá đơn tài chính hợp lệ.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước.

6.1. Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 02 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 02 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng (như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này). Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 02 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2. Trong trường hợp vì lý do ngưng cung cấp nước được nêu tại khoản 6.1. Điều này làm cho khối lượng cung cấp nước sạch thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh đã xây dựng, hai bên sẽ thảo luận điều chỉnh hệ số hợp đồng nhằm đảm bảo quyền lợi của cả hai bên.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của các bên.

7.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- 7.1.1 Thanh toán tiền hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.1.2 Đảm bảo cung cấp nguồn nước đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.1.3 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này.
- 7.1.4 Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.

- 7.1.5 Xây dựng các tiêu chuẩn, quy định, chương trình và kế hoạch nhằm định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên B.
- 7.1.6 Thông qua các quy trình, thủ tục về nghiệp vụ nhằm thực hiện các nội dung công việc được nêu tại Điều 1 hợp đồng này do Bên B xây dựng và đề xuất.
- 7.1.7 Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên B các trường hợp có sự can thiệp của Bên A vào hệ thống cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho Bên B và/hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.
- 7.1.8 Phát hành và quản lý hóa đơn điện tử tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
- 7.1.9 Được quyền ngưng cung cấp nước được nêu tại khoản 6.1 điều 6 của Hợp đồng này.
- 7.1.10 Được quyền yêu cầu Bên B thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

7.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- 7.2.1 Thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.
- 7.2.2 Chuyển ngay trong ngày số tiền nước thu được của khách hàng trên địa bàn vào tài khoản của Bên A như sau:

Tài khoản Bên A		
Tên Tài khoản	Số Tài khoản	Mở tại
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	6220431101100091	NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	2011100459999	NHTMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	0461000535587	NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Tân Bình Dương

Sau mỗi cuối ngày làm việc Bên B phải đồng bộ dữ liệu trong trạng thái “đã nộp tiền” trên hóa đơn điện tử tiền nước lên hệ thống hóa đơn điện tử của Bên A, để khách hàng lấy được hóa đơn.

- 7.2.3 Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên A các trường hợp có sự can thiệp của Bên B vào mạng lưới cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của bên thứ 3 có hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A và/hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.
- 7.2.4 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng.
- 7.2.5 Lập và thực hiện các kế hoạch theo nội dung được Bên A thuê thực hiện nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- 7.2.6 Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

- 7.2.7 Được quyền yêu cầu Bên A giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này. Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.
- 7.2.8 Được quyền yêu cầu Bên A phát hành hóa đơn điện tử tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

- 7.3.1 Phối hợp giải quyết các phát sinh từ khách hàng và địa phương nếu vụ việc phát sinh vượt quá khả năng giải quyết của Bên B.
- 7.3.2 Phối hợp tìm nguyên nhân và khắc phục các biểu hiện bất thường về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng.
- 7.3.3 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

- 8.1. Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được, như:
- 8.1.1. Chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, trở ngại khách quan do dịch bệnh.
- 8.1.2. Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
- 8.1.3. Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
- 8.1.4. Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
- 8.2. Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.
- 8.3. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 9.1. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày **01 tháng 01 năm 2024** đến hết ngày **31 tháng 12 năm 2024**.
- 9.2. Trước 15 (mười lăm) ngày khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.

- 10.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 10.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 10.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 10.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

**PHỤ LỤC 1: LỊCH ĐỌC SỐ NĂM 2024 (Do Bên B xây dựng)
15 ĐỢT (Có đọc ngày thứ 7-CN)**

Tháng Đợt	Tháng 1		Tháng 2		Tháng 3		Tháng 4		Tháng 5		Tháng 6		Tháng 7		Tháng 8		Tháng 9		Tháng 10		Tháng 11		Tháng 12	
	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày	Ngày	Số ngày
1	2/1.	32	1/2.	30	1/3.	29	1/4.	31	2/5.	31	1/6.	30	1/7.	30	1/8.	31	1/9.	31	1/10.	30	1/11.	31	1/12.	30
2	3	31	2	30	2	29	2	31	3	31	3	31	2	29	2	31	3	32	3	30	2	30	2	30
3	4	31	3	30	3	29	3	31	4	30	4	31	3	29	3	31	4	32	4	30	4	31	4	30
4	5	30	5	31	5	29	5	31	5	30	5	31	4	29	5	32	5	31	5	30	5	31	5	30
5	6	30	6	31	6	29	6	31	6	30	6	31	5	29	6	32	6	31	6	30	6	31	6	30
6	8	29	7	30	7	29	7	31	7	30	7	31	8	31	7	30	7	31	7	30	7	31	7	30
7	9	29	8	30	8	29	8	31	8	30	8	31	9	31	8	30	8	31	8	30	8	31	8	30
8	10	28	9	30	9	29	9	31	9	30	9	31	10	31	9	30	9	31	9	30	9	31	9	30
9	11	28	10	30	10	29	10	31	10	29	10	31	11	31	10	30	10	31	10	30	11	32	11	30
10	12	28	12	31	12	29	12	31	11	29	11	31	12	31	12	31	12	31	12	30	12	31	12	30
11	13	27	13	31	13	29	13	31	13	30	13	31	13	30	13	31	13	31	13	30	13	31	13	30
12	15	27	14	30	14	29	14	31	14	30	14	31	14	30	14	31	14	31	14	30	14	31	14	30
13	16	27	15	30	15	29	15	31	15	30	15	31	15	30	15	31	15	31	15	30	15	31	15	30
14	17	26	16	30	16	29	16	31	16	30	16	31	16	30	16	31	16	31	16	30	16	31	16	30
15	18	26	17	30	17	29	17	31	17	30	17	31	17	30	17	31	17	31	17	30	17	31	17	30
Tổng		429		454		435		465		450		464		451		463		467		450		465		450
BQ		28,6		30,3		29,0		31,0		30,0		30,9		30,1		30,9		31,1		30,0		31,0		30,0

PHỤ LỤC 2: MẪU BIÊN BẢN THỐNG NHẤT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỐNG NHẤT
KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG NĂM

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm, chúng tôi gồm:

- Đại diện Bên A : Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- Do Ông: Đặng Đức Hiền - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

- Đại diện Bên B : Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà.

- Do Ông/Bà: - Chức vụ:

Cùng tiến hành thống nhất khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê tháng.....năm.....được xác định căn cứ vào tổng doanh thu tiền nước Bên B thu được:

- *Từ chuẩn thu 02 của kỳ ...năm 2024:..... đồng (1)*
- *Từ tồn thu các kỳ hóa đơn trước đó của năm 2024 (tồn thu):đồng (2)*
- *Từ số tiền nước năm 2023 (tồn thu):đồng (3)*
- *Từ số tiền nước năm 2022 (tồn thu):đồng (4)*
- *Từ số tiền nước năm 2021 (tồn thu):đồng (5)*
- *Từ số tiền nước năm 2020(tồn thu) (6)*
- *Từ số tiền nước năm 2019(tồn thu) (7)*
- *Tổng cộng: (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7) =đồng*

(Đính kèm bảng tổng hợp số tiền nước thu được trong tháng)

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC 3: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CT CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HOÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /TB-.....

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN
KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG NĂM

Kính gửi: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV

- Căn cứ hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số ngày
- Căn cứ Biên bản thống nhất khối lượng công việc tháng ... năm, ngàygiữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà.

Hệ số x Doanh thu tiền nước thu được (từ chuẩn thu 2) và tiền nước thu được của năm 2023; 2022; 2021; 2020; 2019 chưa thu được (tồn thu) (Có giá trị trước thuế và không bao gồm tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải)

Thuế giá trị gia tăng theo qui định hiện hành =đồng

Số tiền thanh toán: đồng (1)

Số tiền đã tạm ứng(Nếu có):.....(2)

Số tiền còn lại phải thanh toán:(3)=(1) – (2)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HOÀ

Số: 06 /NQ-TCT-HĐTĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về hệ số hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch với Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An năm 2024

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Căn cứ Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn trách nhiệm hữu hạn một thành viên được ban hành kèm theo Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về bổ nhiệm Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, gồm: Quyết định số 109/QĐ-UBND-TC ngày 22 tháng 07 năm 2020, Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 08 tháng 04 năm 2019, Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 12 tháng 04 năm 2021 và Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 12 tháng 04 năm 2021 và Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2022;

Xét đề nghị của Ban Tổng Giám đốc tại các văn bản số 8739/TCT-KDDVKH ngày 23 tháng 11 năm 2023 về hệ số hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024 giữa Tổng Công ty với 02 Công ty Cổ phần cấp nước Tân Hòa và Trung An; và trên cơ sở ý kiến của các Thành viên,

QUYẾT NGHỊ:

1. Hội đồng thành viên thống nhất nguyên tắc xây dựng hệ số hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024 như trình bày tại văn bản số 8739/TCT-KDDVKH nêu trên; tạm thời thống nhất hệ số hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch năm 2024 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa là 0,1914 và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An là 0,2273.

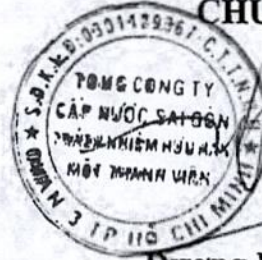
2. Giao Tổng Giám đốc triển khai: (i) tổ chức thực hiện hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch với Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An năm 2024 theo quy định pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động

của Tổng Công ty; (ii) tổ chức việc xây dựng hệ số hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch gắn liền với việc thực hiện hoàn trả mặt bằng trình Hội đồng thành viên xem xét; (iii) tiếp tục chỉ đạo việc phối hợp với các đơn vị tư vấn có năng lực, xây dựng định mức, hệ số hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch và các hệ số khác liên quan đến hoạt động thuê dịch vụ cấp nước năm 2024 đã được nêu tại Nghị quyết số 27/NQ-TCT-HĐTV ngày 16 tháng 5 năm 2023 và Nghị quyết số 49/TCT-HĐTV ngày 25 tháng 10 năm 2023, trình Hội đồng thành viên xem xét. *Paul*

Nơi nhận:

- Ban TV ĐU;
- Thành viên HĐTV;
- Ban TGD;
- Ban Kiểm soát;
- NĐDV TCT tại Cty CPCN Tân Hòa,
Cty CPCN Trung An;
- Ban KTNB;
- Ban TK HĐTV;
- Lưu: VT, HĐTV (3b)

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Dương Hồng Nhân